TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17/3/2022
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, về nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cá
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Ngọc Lợi
Ông Hà Bửu Khánh
- ***Thư ký phiên Tòa*** : Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 294/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2022 vụ tranh chấp "Xin ly hôn, về nuôi con chung*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 18/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21 tháng 2 năm 2022, giữa :

1.Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Bé T, sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện G, tỉnh K (có mặt).

2.Bị đơn : Anh Trương Ngọc H, sinh năm: 1979; địa chỉ : ấp B, xã H, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2021 nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé T trình bày: Chị và anh H trước khi lấy nhau là do mai mối và tổ chức lễ cưới vào năm 2014, nhưng không đăng kí kết hôn. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên tụ tập bạn bè rượu chè bê tha, còn đánh đập chị và đập phá tài sản, không quan tâm chăm sóc mẹ con chị, đã nhiều lần chị cho anh cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Chị thấy rằng cuộc sống giữa chị và anh H không còn hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H; Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Nhật H, sinh ngày 13/11/2015, chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau:

Về hôn nhân: Chị T và anh H trước khi cưới là do mai mối và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm về điều kiện kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh H là vợ chồng; Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Nhật H, sinh ngày 13/11/2015, Tòa án đã ra thông báo về việc chị T xin đươc nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng, xét thấy cháu H là con chung của anh chị nhưng anh H không quan tâm chăm sóc, cháu H cũng có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ nên đề nghị giao cháu H cho chị chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị Bé T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xi n ly hôn, về nuôi con chung" giữa chị và anh H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Trương Ngọc H vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn c ứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị và anh H trước khi lấy nhau là do mai mối và có tổ chức đám cưới vào năm 2014 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận . Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tuyên bố không công nhận chị Huỳnh Thị Bé T và anh Trương Ngọc H là vợ chồng.

{2.2} Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Trương Nhật H, sinh ngày 13/11/2015, chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cho anh H nhưng anh Hp không thể hiện ý kiến về việc chị T xin được nuôi con chung của anh chị. Tại

bản tự khai đề ngày 01/3/2022 cháu H có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn cháu xin được ở với chị T.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị T và anh H chung sống với nhau không có hạnh phúc, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con nhưng chị T vẫn chăm sóc cho cháu H phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần. Mặt khác, cũng xét đến nguyện vọng của con khi cha mẹ xin ly hôn cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

{2.3} Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T là người đang trực tiếp nuôi con nhưng chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Huỳnh Thị Bé T phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 5555 ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1.Về hôn nhân : Tuyên bố không công nhận chị Huỳnh Thị Bé T và anh Trương Ngọc H là vợ chồng.

2.Về con chung: Giao cháu tên Trương Nhật H, sinh ngày 13/11/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡn, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Huỳnh Thị Bé T phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 5555 ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị Huỳnh Thị Bé T được tính kể ngày tuyên án (ngày 17/3/2022). Anh Trương Ngọc H được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp.